

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 04/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương
giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương giai đoạn
2021-2025 và năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-KTNS ngày 21 tháng 3 năm 2022
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương giai
đoạn 2021 - 2025 và năm 2022, với các nội dung như sau:

1. Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021- 2025 với
số tiền là 771 tỷ đồng, như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn 150 tỷ đồng từ nguồn vốn hỗ trợ khẩn cấp khắc
phục hậu quả thiên tai năm 2021 theo quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31
tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung dự kiến kế hoạch vốn 621 tỷ đồng từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết có Phụ lục số 01, 03, 04 kèm theo)

2. Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 với số tiền là 287 tỷ đồng, như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn 150 tỷ đồng từ nguồn vốn hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 theo quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung dự kiến kế hoạch vốn Trung ương từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 137 tỷ đồng (Bao gồm: Đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở: 87 tỷ đồng; Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, đảm bảo an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai: 50 tỷ đồng).

(Chi tiết có Phụ lục số 02, 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 5 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2022.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.




Hồ Quốc Dũng

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Tổng số giai đoạn 2021-2025	Bổ sung	Tổng số giai đoạn 2021-2025 sau bổ sung	Ghi chú
	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	9.217.617	771.000	9.988.617	
A	VỐN TRONG NƯỚC (đầu tư theo ngành, lĩnh vực, các khoản chi cụ thể)	7.923.917		7.923.917	
A.1.	Chuẩn bị đầu tư	5.000		5.000	
A.2.	Thực hiện đầu tư	7.918.917		7.918.917	
I	Các khoản chi theo nhiệm vụ cụ thể	1.970.717		1.970.717	
1	Hoàn trả tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước	133.500		133.500	
2	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	1.837.217		1.837.217	
II	Bố trí cho các dự án cụ thể	5.948.200		5.948.200	
1	Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển	1.800.000		1.800.000	
2	Các dự án hỗ trợ có mục tiêu theo ngành lĩnh vực	4.148.200		4.148.200	
B	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.293.700		1.293.700	
C	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG		771.000	771.000	
I	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KHẢN CẤP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2021 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2266/QĐ-TTg NGÀY 31/12/2021	0	150.000	150.000	
II	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	0	621.000	621.000	



Phụ lục 02

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Kế hoạch 2022	Bổ sung kế hoạch	Kế hoạch 2022 sau bổ sung	Ghi chú
	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.795.782	287.000	3.082.782	
A	VỐN TRONG NƯỚC (TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU)	2.448.914		2.448.914	
B	VỐN NƯỚC NGOÀI	346.868		346.868	
C	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KHẨN CẤP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2021 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2266/QĐ-TTg NGÀY 31/12/2021	0	150.000	150.000	
D	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	0	137.000	137.000	

TKB

Phụ lục 03

**DANH MỤC CHI TIẾT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KHẢN CẤP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI
NĂM 2021 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2266/QĐ-TTg NGÀY 31/12/2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục công trình	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2022	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	150.000	150.000		
1	Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và Vân Canh	50.000	50.000	Ban QLDA NN và PTNT tỉnh	
2	Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021 trên địa bàn huyện Phù Cát, Hoài Ân và An Lão	42.000	42.000	Ban QLDA NN và PTNT tỉnh	
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai cầu Đại Hàn, huyện Tuy Phước.	20.000	20.000	Ban QLDA NN và PTNT tỉnh	
4	Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn.	20.000	20.000	Ban QLDA NN và PTNT tỉnh	
5	Kè chống sạt lở Thố Thạnh - Phú Văn, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.	2.000	2.000	UBND huyện Hoài Ân	
6	Khắc phục hư hỏng hệ thống kênh tưới Văn Phong, Chánh Hùng, huyện Tây Sơn, Phù Cát.	3.500	3.500	Công ty TNHH Khai thác CTTL Bình Định	
7	Hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai sạt lở tại núi Cẩm, huyện Phù Cát.	3.000	3.000	UBND huyện Phù Cát	
8	Sửa chữa Đê sông La Tinh, sông Cạn, đê ngăn mặn Khu Đông, huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước.	2.500	2.500	Chi cục Thủy lợi Bình Định	
9	Hỗ trợ khắc phục thiệt hại trên địa bàn huyện An Lão	2.000	2.000	UBND huyện An Lão	
10	Hỗ trợ Khắc phục thiệt hại trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh.	2.000	2.000	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
11	Hỗ trợ Khắc phục thiệt hại trên địa bàn huyện Vân Canh	3.000	3.000	UBND huyện Vân Canh	

KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ - HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	TMDT dự kiến			Đề xuất nguồn vốn		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Dự kiến số vốn NSTW bố trí từng năm giai đoạn 2022-2023		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Trong đó:			Năm 2022	Năm 2023	
			NSTW dự kiến	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác				
	TỔNG SỐ	674.500	621.000	53.500	621.000	53.500	621.000	137.000	484.000	
*	DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025	674.500	621.000	53.500	621.000	53.500	621.000	137.000	484.000	
A	Đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở	462.500	434.000	28.500	434.000	28.500	434.000	87.000	347.000	
I	Đầu tư hệ thống y tế cơ sở	462.500	434.000	28.500	434.000	28.500	434.000	87.000	347.000	
1	Y tế tuyến huyện	367.500	350.000	17.500	350.000	17.500	350.000	70.000	280.000	
(1)	Mở rộng Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn (giai đoạn 2)	115.500	110.000	5.500	110.000	5.500	110.000	20.000	90.000	
(2)	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	63.000	60.000	3.000	60.000	3.000	60.000	15.000	45.000	
(3)	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	84.000	80.000	4.000	80.000	4.000	80.000	15.000	65.000	
(4)	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	42.000	40.000	2.000	40.000	2.000	40.000	5.000	35.000	
(5)	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	63.000	60.000	3.000	60.000	3.000	60.000	15.000	45.000	
2	Y tế tuyến xã	95.000	84.000	11.000	84.000	11.000	84.000	17.000	67.000	

STT	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến			Đề xuất nguồn vốn		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Dự kiến số vốn NSTW bố trí từng năm giai đoạn 2022-2023		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Trong đó:			Năm 2022	Năm 2023	
			NSTW dự kiến	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác				
a	Công trình xây dựng mới	50.000	45.000	5.000	45.000	5.000	45.000	17.000	28.000	
(1)	TYT thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	1.500	3.000	
(2)	TYT xã Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	1.500	3.000	
(3)	TYT xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	1.500	3.000	
(4)	TYT xã Cát Lâm, huyện Phù Cát	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	1.500	3.000	
(5)	TYT xã Cát Tài, huyện Phù Cát	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	1.500	3.000	
(6)	TYT xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	1.500	3.000	
(7)	TYT xã Ân Tín, huyện Hoài Ân	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	2.000	2.500	
(8)	TYT xã Bình Thành, huyện Tây Sơn	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	2.000	2.500	
(9)	TYT xã Bình Tường, huyện Tây Sơn	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	2.000	2.500	
(10)	TYT xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	5.000	4.500	500	4.500	500	4.500	2.000	2.500	
b	Công trình nâng cấp, cải tạo, sửa chữa	45.000	39.000	6.000	39.000	6.000	39.000	-	39.000	
(1)	TYT phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300		1.300	
(2)	TYT xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300		1.300	

STT	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến			Đề xuất nguồn vốn		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Dự kiến số vốn NSTW bố trí từng năm giai đoạn 2022-2023		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Trong đó:			Năm 2022	Năm 2023	
			NSTW dự kiến	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác				
(3)	TYT phường Trần Quang Diệu, TP.Quy Nhơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(4)	TYT phường Nguyễn Văn Cừ, TP.Quy Nhơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(5)	TYT xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(6)	TYT xã Cát Minh, huyện Phù Cát	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(7)	TYT xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(8)	TYT xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(9)	TYT xã Canh Thuận, huyện Vân Canh	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(10)	TYT xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(11)	TYT xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(12)	TYT xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(13)	TYT xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(14)	TYT xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(15)	TYT phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(16)	TYT xã Ân Hào Đông, huyện Hoài Ân	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		



Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến			Đề xuất nguồn vốn		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Dự kiến số vốn NSTW bố trí từng năm giai đoạn 2022-2023		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Trong đó:			Năm 2022	Năm 2023	
			NSTW dự kiến	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác				
(17)	TYT xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(18)	TYT xã Ân Đức, huyện Hoài Ân	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(19)	TYT xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(20)	TYT xã An Vinh, huyện An Lão	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(21)	TYT xã An Hưng, huyện An Lão	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(22)	TYT Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(23)	TYT xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(24)	TYT xã Tây Bình, huyện Tây Sơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(25)	TYT xã Tây An, huyện Tây Sơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(26)	TYT xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(27)	TYT xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(28)	TYT xã Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(29)	TYT xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		
(30)	TYT xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh	1.500	1.300	200	1.300	200	1.300	1.300		

STT	Danh mục dự án	TMĐT dự kiến			Đề xuất nguồn vốn		Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Dự kiến số vốn NSTW bố trí từng năm giai đoạn 2022-2023		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Trong đó:			Năm 2022	Năm 2023	
			NSTW dự kiến	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác				
B	Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, đảm bảo an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai	212.000	187.000	25.000	187.000	25.000	187.000	50.000	137.000	
I	Bảo đảm an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai	212.000	187.000	25.000	187.000	25.000	187.000	50.000	137.000	
(1)	Dự án bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ (hồ Đồng Dụ, Hóc Nhạn)	65.000	55.000	10.000	55.000	10.000	55.000	14.000	41.000	
(2)	Dự án bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (hồ Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay)	78.000	70.000	8.000	70.000	8.000	70.000	19.000	51.000	
(3)	Dự án bảo đảm an toàn hồ chứa tại các huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn (Hồ Chuối, Hóc Cau, Bè né, Hóc Sim, Hóc Cau, Hóc Dài)	69.000	62.000	7.000	62.000	7.000	62.000	17.000	45.000	

